

Biên soạn: TS. PHẠM ĐỨC THUẬN (Chủ biên)
ThS. BÙI HOÀNG TÂN

GIÁO TRÌNH
LỊCH SỬ VIỆT NAM
CỔ TRUNG ĐẠI 1
(Từ Tiền sử đến năm 1427)



NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC CẦN THƠ
2018

**BIÊN MỤC TRƯỚC XUẤT BẢN THỰC HIỆN BỞI
TRUNG TÂM HỌC LIỆU TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ**

Phạm, Đức Thuận

Giáo trình lịch sử Việt Nam cổ trung đại 1 / Phạm Đức Thuận, Bùi Hoàng Tân .- Cần Thơ :
Nxb. Đại học Cần Thơ, 2018.

206 tr. : minh họa ; 24 cm

Sách có danh mục tài liệu tham khảo

ISBN: 9786049651212

1. Vietnam--History 2. Lịch sử Việt Nam 3. Lịch sử cổ đại

I. Nhan đề. II. Bùi, Hoàng Tân

959.7 – DDC 23

MFN 228865

Th502

LỜI GIỚI THIỆU

Nhằm góp phần làm phong phú nguồn tư liệu phục vụ nghiên cứu, học tập cho bạn đọc, sinh viên, học viên ngành Sư phạm Lịch sử, Nhà xuất bản Đại học Cần Thơ ấn hành và giới thiệu cùng bạn đọc giáo trình “Lịch sử Việt Nam cổ trung đại 1” do TS. Phạm Đức Thuận, ThS. Bùi Hoàng Tân biên soạn.

Giáo trình gồm 08 chương, nội dung chủ yếu giới thiệu về một số vấn đề chung về lịch sử Việt Nam từ tiền sử đến năm 1427. Qua đó ta thấy được quá trình dựng nước và giữ nước đầy tự hào và vẻ vang của nhân dân ta. Thêm vào đó, cuối mỗi chương còn có nhiều bài tập ôn tập hữu ích cho bạn đọc. Giáo trình là tài liệu học tập có giá trị liên quan đến Lịch sử Việt Nam thời cổ trung đại.

Nhà xuất bản Đại học Cần Thơ chân thành cảm ơn các tác giả và sự đóng góp ý kiến của quý thầy cô trong Hội đồng thẩm định trường Đại học Cần Thơ để giáo trình “Lịch sử Việt Nam cổ trung đại 1” được ra mắt bạn đọc.

Nhà xuất bản Đại học Cần Thơ trân trọng giới thiệu đến sinh viên, giảng viên và bạn đọc giáo trình này.

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC CẦN THƠ

LỜI NÓI ĐẦU

Trong chương trình đào tạo cử nhân ngành *Su phạm Lịch sử* tại Bộ môn Su phạm Lịch sử - Khoa Su phạm – Trường Đại học Cần Thơ, học phần *Lịch sử Việt Nam cổ trung đại 1 (Từ tiền sử đến năm 1427)* có nhiệm vụ trang bị cho người học kiến thức về sự vận động, phát triển của lịch sử Việt Nam trong giai đoạn từ nguyên thủy đến khi kết thúc cuộc khởi nghĩa Lam Sơn (1427), nhà Lê (Hậu Lê) được thành lập. Từ những kiến thức được trang bị trong học phần, sinh viên có thể nắm bắt được những nét chung và đặc trưng nhất của lịch sử cổ trung đại Việt Nam qua các giai đoạn phát triển, từ đó làm phong phú thêm kiến thức cho bản thân, phục vụ cho công việc giảng dạy và nghiên cứu khi ra trường.

Lịch sử cổ trung đại Việt Nam là một bộ phận cấu thành của lịch sử Việt Nam. Trong đó, những nội dung được trình bày trong học phần thể hiện quá trình phát triển của Việt Nam từ thời tiền sử đến khi xây dựng những vương quốc đầu tiên, đến những giai đoạn đấu tranh kiên cường để xây dựng đất nước, chống lại giặc ngoại xâm, hướng tới tự cường. Cũng trong giai đoạn này, một nền văn hóa Việt Nam giàu bản sắc đã được xây dựng, góp phần hình thành nên một nền Văn minh Đại Việt rực rỡ trong lịch sử dân tộc. Nhắc đến giai đoạn này, người Việt Nam luôn có một niềm tự hào về những nhân vật lịch sử như Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Ngô Quyền, Lý Thường Kiệt, Trần Quốc Tuấn, Trần Nhân Tông, Trần Quang Khải, Nguyễn Trãi, Lê Lợi..., cùng với đó là niềm tự hào về những cuộc kháng chiến oanh liệt của dân tộc như cuộc kháng chiến chống Tống thời nhà Lý, 3 lần kháng chiến chống Mông – Nguyên thời nhà Trần. Bên cạnh đó là những áng “thiên cổ hùng văn” của dân tộc cũng được viết nên trong giai đoạn này như Nam Quốc Sơn Hà, Hịch Tướng sĩ, Bình Ngô Đại Cáo... những truyền thống hào hùng đó từ lịch sử Việt Nam cổ trung đại đã góp phần hun đúc nên những giá trị của con người Việt Nam, đất nước Việt Nam.

Giáo trình Lịch sử Việt Nam cổ trung đại 1 (Từ tiền sử đến năm 1427) do nhóm tác giả thực hiện được chia thành các chương:

Chương 1. Việt Nam thời tiền sử

Chương 2. Thời kỳ hình thành các quốc gia cổ đầu tiên trên lãnh thổ Việt Nam

Chương 3: Thời Bắc thuộc và chống Bắc thuộc

Chương 4. Đất nước thời Ngô – Đinh – Tiền Lê (939 – 1009)

Chương 5. Đại Việt thời nhà Lý (1009 – 1225)

Chương 6. Đại Việt thời nhà Trần (1226 – 1400)

Chương 7. Đại Việt thời nhà Hồ và cuộc xâm lược của nhà Minh (1400 -1407)

Chương 8. Phong trào khởi nghĩa chống quân Minh xâm lược với đỉnh cao là khởi nghĩa Lam Sơn

Trong tiến trình lịch sử đó, sự thịnh suy của những triều đại, những thăng trầm của đất nước được thể hiện đan xen để người học có thể rút ra được những nhận xét, những bài học cho riêng mình. Là một giáo trình ở bậc đại học, song song với việc cung cấp nguồn sử liệu cơ bản thì giáo trình Lịch sử Việt Nam cổ trung đại 1 cũng khai thác nhiều khía cạnh chiều sâu để phát triển khả năng của người học. Vì vậy mà, những gợi mở trong tranh luận hay những chi tiết lịch sử còn tranh cãi, bàn thảo cũng được trình bày như một khía cạnh không thể thiếu của giáo trình này.

Giáo trình kế thừa những nghiên cứu và các giáo trình trước đây của nhiều nhà sử học tiền bối có thể kể đến như “Đại cương Lịch sử Việt Nam (tập 1)” của GS Trương Hữu Quýnh, PGS. Phan Đại Doãn và PGS. Nguyễn Cảnh Minh, “Lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến thế kỷ XIX” của GS Đào Duy Anh, “Lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến năm 1884” của PGS Nguyễn Phan Quang và PGS.TS. Võ Xuân Đàn... cùng với những thực tế giảng dạy của nhóm tác giả trong những năm qua. Mặc dù có nhiều nỗ lực, song, giáo trình này chắc chắn còn nhiều thiếu sót, tác giả mong nhận được sự thông cảm và kính mong các thầy cô, các bạn đồng nghiệp, các em sinh viên góp ý cho giáo trình để ngày càng hoàn thiện hơn.

Cần Thơ, mùa xuân năm 2019

TM. Nhóm tác giả

Phạm Đức Thuận

MỤC LỤC

Chương 1. VIỆT NAM THỜI TIỀN SỬ	1
1.1 THỜI ĐẠI ĐỒ ĐÁ CŨ, SỰ PHÁT TRIỂN TỪ NGƯỜI VƯỜN ĐẾN NGƯỜI HIỆN ĐẠI	1
1.1.1 Di tích hóa thạch của người vượn ở Việt Nam	1
1.1.2 Sơ kỳ thời đại đồ đá cũ	3
1.1.3 Giai đoạn hậu kỳ đá cũ	6
1.2 THỜI ĐẠI ĐÁ MỚI VÀ CÁC BỘ LẠC TRÔNG LÚA	8
1.2.1 Văn hóa Hòa Bình	8
1.2.2 Văn hóa Bắc Sơn	9
1.2.3 Văn hóa Soi Nhụ	10
1.2.4 Văn hóa Đa Bút - Quỳnh Văn – Bàu Tró	10
1.2.5 Văn hóa Cái Bèo – Hạ Long và một số văn hóa vùng núi Tây Bắc – Tây Nguyên	12
1.3 THỜI ĐẠI KIM KHÍ VÀ QUÁ TRÌNH TAN RÃ CỦA XÃ HỘI NGUYÊN THỦY	13
1.3.1 Các di chỉ văn hóa thời đại kim khí ở vùng Bắc Bộ	13
1.3.2 Các cư dân thời đại kim khí Nam Trung Bộ	16
1.3.3 Các cư dân thời đại kim khí Nam Bộ	18
1.4 NHỮNG LÝ LUẬN VỀ QUÁ TRÌNH TAN RÃ CỦA CHẾ ĐỘ CÔNG XÃ NGUYÊN THỦY	19
CÂU HỎI ÔN TẬP VÀ THẢO LUẬN	21
TÀI LIỆU THAM KHẢO	21
Chương 2. THỜI KỲ HÌNH THÀNH CÁC QUỐC GIA CỔ ĐÀU TIÊN TRÊN LÃNH THỔ VIỆT NAM	23
2.1 VĂN HÓA ĐÔNG SƠN VÀ SỰ HÌNH THÀNH NHÀ NƯỚC VĂN LANG – ÂU LẠC	23
2.1.1 Tổng quan về văn hóa Đông Sơn	23
2.1.2 Những cơ sở về kinh tế của văn hóa Đông Sơn	24
2.1.3 Những chuyển biến về xã hội trong văn hóa Đông Sơn	26
2.1.4 Nhà nước Văn Lang – Âu Lạc	28
2.2 VĂN HÓA SA HUỖNH VÀ SỰ HÌNH THÀNH NHÀ NƯỚC CHAMPA	34
2.2.1 Văn hóa Sa Huỳnh	34
2.2.2 Sự thành lập Vương quốc cổ Champa	36

2.2.3	Trạng thái kinh tế, xã hội và văn hóa	39
2.3	VĂN HÓA ĐỒNG NAI, VĂN HÓA ÓC EO VÀ NHÀ NƯỚC PHÙ NAM	41
2.3.1	Văn hóa Đồng Nai	41
2.3.2	Văn hóa Óc Eo	43
2.3.3	Vương quốc Phù Nam	44
	CÂU HỎI ÔN TẬP VÀ THẢO LUẬN	49
	TÀI LIỆU THAM KHẢO	49
	Chương 3. THỜI BẮC THUỘC VÀ CHỐNG BẮC THUỘC	51
3.1	CHÍNH SÁCH ĐÔ HỘ CỦA CÁC TRIỀU ĐẠI PHONG KIẾN TRUNG QUỐC VÀ CÁC CUỘC ĐẤU TRANH GIÀNH ĐỘC LẬP CỦA NHÂN DÂN TA	51
3.1.1	Giai đoạn từ 179 tr.CN đến khởi nghĩa Hai Bà Trưng	51
3.1.2	Giai đoạn từ năm 43 đến năm 602	56
3.1.3	Giai đoạn từ 602 đến 905	59
3.2	HỌ KHÚC DỰNG QUYỀN TỰ CHỦ VÀ CHIẾN THẮNG SÔNG BẠCH ĐẰNG CỦA NGÔ QUYỀN	63
3.2.1	Khúc Thừa Dụ dựng quyền tự chủ - cải cách Khúc Hạo	63
3.2.2	Chiến thắng trên sông Bạch Đằng của Ngô Quyền	64
3.3	NHỮNG CHUYỂN BIẾN VỀ KINH TẾ - VĂN HÓA - XÃ HỘI CÙNG VỚI ĐÓ LÀ SỰ ĐẤU TRANH CỦA NHÂN DÂN TA TRONG VIỆC GIỮ GÌN VÀ BẢO VỆ NỀN VĂN HÓA DÂN TỘC	66
3.3.1	Về kinh tế	66
3.3.2	Về xã hội	67
3.3.3	Về văn hóa	67
	CÂU HỎI ÔN TẬP VÀ THẢO LUẬN	69
	TÀI LIỆU THAM KHẢO	70
	Chương 4. ĐẤT NƯỚC THỜI NGÔ – ĐÌNH – TIỀN LÊ (939 – 1009)	71
4.1	NHÀ NGÔ (939 – 968) VÀ LOẠN 12 SỨ QUÂN	71
4.2	NHÀ ĐÌNH	73
4.2.1	Đình Bộ Lĩnh và sự thành lập nhà Đinh	73
4.2.2	Nhà Đinh (968 – 980)	74
4.3	NHÀ TIỀN LÊ (980 – 1009)	76
4.3.1	Lê Hoàn và cuộc kháng chiến chống Tống	76
4.3.2	Lê Long Đĩnh và sự suy vong của nhà Tiền Lê	76
4.3.3	Tình hình nội trị và ngoại giao	77
4.3.4	Tình hình kinh tế, văn hóa và xã hội nhà Tiền Lê	79

CÂU HỎI ÔN TẬP VÀ THẢO LUẬN	83
TÀI LIỆU THAM KHẢO	83
Chương 5. ĐẠI VIỆT THỜI NHÀ LÝ (1009 – 1225)	84
5.1 LÝ CÔNG UÂN VÀ SỰ THÀNH LẬP NHÀ LÝ	84
5.2 TỔ CHỨC CHÍNH QUYỀN THỜI LÝ	85
5.2.1 Chính quyền trung ương	85
5.2.2 Chính quyền địa phương	86
5.2.3 Hệ thống tăng quan	88
5.2.4 Phương thức tuyển chọn quan lại	88
5.3 TỔ CHỨC QUÂN ĐỘI, LUẬT PHÁP VÀ CHÍNH SÁCH ĐỐI NỘI Ở BIÊN GIỚI	88
5.3.1 Tổ chức quân đội	88
5.3.2 Luật pháp	90
5.3.3 Chính sách đối nội ở biên giới	91
5.4 TÌNH HÌNH KINH TẾ THỜI LÝ	93
5.4.1 Nông nghiệp	93
5.4.2 Thủ công nghiệp và thương nghiệp	99
5.5 VĂN HÓA ĐẠI VIỆT THỜI LÝ	101
5.5.1 Tín ngưỡng và tôn giáo	101
5.5.2 Giáo dục – khoa cử và văn học – nghệ thuật	103
5.6 NGOẠI GIAO NHÀ LÝ	105
5.6.1 Ngoại giao với nhà Tống	105
5.6.2 Ngoại giao với Chân Lạp và Chiêm Thành	107
5.7 CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG TỐNG	109
5.8 SỰ SUY VONG CỦA NHÀ LÝ	112
CÂU HỎI ÔN TẬP VÀ THẢO LUẬN	113
TÀI LIỆU THAM KHẢO	113
Chương 6. ĐẠI VIỆT THỜI NHÀ TRẦN (1226 – 1400)	115
6.1 SỰ THÀNH LẬP NHÀ TRẦN	115
6.2 XÂY DỰNG VÀ Củng cố Bộ máy Nhà nước	116
6.2.1 Chính quyền trung ương	116
6.2.2 Chính quyền địa phương	117
6.2.3 Phương thức tuyển dụng quan lại	119
6.3 LUẬT PHÁP VÀ QUÂN ĐỘI	121
6.3.1 Luật pháp	121
6.3.2 Quân đội	122

6.4	TÌNH HÌNH KINH TẾ	123
6.4.1	Nông nghiệp	123
6.4.2	Thủ công nghiệp và thương nghiệp	130
6.5	NGOẠI GIAO NHÀ TRẦN	131
6.5.1	Ngoại giao với Mông Cổ và nhà Nguyên	131
6.5.2	Ngoại giao với Chiêm Thành và Ai Lao	133
6.6	KHÁNG CHIẾN CHỐNG QUÂN MÔNG - NGUYÊN BẢO VỆ ĐỘC LẬP DÂN TỘC	135
6.6.1	Kháng chiến chống quân Mông Cổ năm 1258	135
6.6.2	Kháng chiến chống Nguyên năm 1285	136
6.6.3	Kháng chiến chống quân Nguyên năm 1287 – 1288	138
6.7	VĂN HÓA THỜI NHÀ TRẦN	141
6.7.1	Tư tưởng và tín ngưỡng, tôn giáo	141
6.7.2	Giáo dục – khoa cử	142
6.7.3	Văn học và các lĩnh vực khoa học	143
6.8	NHÀ TRẦN SUY VONG	146
	CÂU HỎI ÔN TẬP VÀ THẢO LUẬN	147
	TÀI LIỆU THAM KHẢO	147
	Chương 7. ĐẠI VIỆT THỜI NHÀ HỒ VÀ CUỘC XÂM LƯỢC CỦA NHÀ MINH (1400 – 1407)	149
7.1	HỒ QUÝ LY VÀ SỰ THÀNH LẬP NHÀ HỒ	149
7.2	CẢI CÁCH CỦA HỒ QUÝ LY	150
7.2.1	Cải cách chính trị	150
7.2.2	Cải cách kinh tế - xã hội – quân sự	151
7.3	NGOẠI GIAO VỚI CHIÊM THÀNH VÀ NHÀ MINH	154
7.4	KHÁNG CHIẾN CHỐNG QUÂN MINH XÂM LƯỢC (11 – 1406 ĐẾN 5 – 1407)	155
	CÂU HỎI ÔN TẬP VÀ THẢO LUẬN	158
	TÀI LIỆU THAM KHẢO	159
	Chương 8. PHONG TRÀO KHỞI NGHĨA CHỐNG QUÂN MINH XÂM LƯỢC VỚI ĐỈNH CAO LÀ KHỞI NGHĨA LAM SƠN	160
8.1	CHÍNH SÁCH ĐỒ HỘ CỦA NHÀ MINH	160
8.1.1	Tổ chức bộ máy cai trị	160
8.1.2	Chính sách cai trị tàn bạo	161
8.1.3	Âm mưu đồng hóa dân tộc	163
8.2	CÁC CUỘC KHỞI NGHĨA CHỐNG QUÂN MINH TỪ 1407 ĐẾN 1413	166
8.2.1	Khởi nghĩa của Giản Định Đế Trần Ngỗi	166

8.2.2 Khởi nghĩa Trùng Quang Đế Trần Quý Khoáng	168
8.3 KHỞI NGHĨA LAM SƠN (1418 – 1427)	170
8.3.1 Giai đoạn đầu khởi nghĩa đầy khó khăn	170
8.3.2 Giai đoạn bước ngoặt, tiến vào Nghệ An	171
8.3.3 Giai đoạn quyết định, đánh bại quân Minh xâm lược	172
CÂU HỎI ÔN TẬP VÀ THẢO LUẬN	177
TÀI LIỆU THAM KHẢO	178
PHỤ LỤC	179

Chương 1

VIỆT NAM THỜI TIỀN SỬ

1.1 THỜI ĐẠI ĐỒ ĐÁ CŨ, SỰ PHÁT TRIỂN TỪ NGƯỜI Vượn ĐẾN NGƯỜI HIỆN ĐẠI

1.1.1 Di tích hóa thạch của người vượn ở Việt Nam

Trước khi tìm hiểu các di tích hóa thạch của người vượn tại Việt Nam, cần nhắc đến đôi nét về vấn đề thuyết tiến hóa của Charles Darwin và giả thuyết về sự hình thành loài người.

Vấn đề tiến hóa các loài bao gồm loài người được nói đến trong cuốn “Nguồn gốc các loài” của Charles Darwin công bố năm 1859, theo ông đó là sự tồn tại của những thể hệ quá độ chuyển tiếp giữa các loài – vì sự tiến hóa diễn ra liên tục, dần dần và trải qua nhiều giai đoạn (continuously and gradually) nên nếu loài A tiến hóa để biến thành loài B thì ắt phải có những loài trung gian nằm giữa A và B, được gọi là những thể hệ hay những mắt xích quá độ chuyển tiếp trong chuỗi tiến hóa từ A đến B¹. Loài nào các cá thể cũng có nhiều cách biến đổi, nhiều cá thể sinh ra nhưng chỉ ít cá thể tồn tại được là nhờ những đặc trưng riêng qua quá trình thích nghi. C.Darwin cho rằng, 4 đặc tính cơ bản để người khác vượn là: “*Sự di chuyển bằng 2 chân, não bộ lớn, khả năng kỹ thuật tiến bộ, cuối cùng là sự giảm đáng kể của răng nanh*” [2, tr. 9].

Do đó, trong quá trình tiến hóa của loài người, nhiều nhà khoa học dựa trên thuyết tiến hóa của Darwin và những kết quả do khảo cổ học mang lại đã cơ bản phân chia thành các giai đoạn tiến hóa của loài người từ người vượn (Australopithecus, cách nay từ 5 triệu đến 1,5 triệu năm) đến người khéo léo (Homo Hapilis, cách nay từ 3 triệu đến 1,6 triệu năm) đến người đứng thẳng (Homo Erectus, cách nay từ 1,6 triệu năm đến 400.000 năm), người cận đại (Homo Sapiens – cách nay khoảng 300.000 đến 150.000 năm) và người hiện đại (Homo Sapiens sapiens, cách nay khoảng 40.000 đến 35.000 năm).

¹ Nhiều nhà khoa học đã có những đánh giá lại về “Thuyết tiến hóa” của Darwin như Michael Denton cho rằng: “*Không ở đâu Darwin có thể chỉ ra một trường hợp đích thực của chọn lọc tự nhiên đã thực sự gây ra biến đổi tiến hóa trong tự nhiên... Rốt cuộc, lý thuyết tiến hóa của Darwin không hơn không kém một câu chuyện hoang đường về nguồn gốc vũ trụ trong thế kỷ 20*” (Evolution, A Theory in Crisis” (Tiến hóa: Một lý thuyết trong khủng hoảng), Adler & Adler Press, Maryland, Mỹ, 1986, pp. 62) [11].

Từ những kiến thức chung về các giai đoạn tiến hóa, đối với khu vực Châu Á và khu vực Đông Nam, dựa trên những nghiên cứu cổ địa chất, cổ sinh học cho thấy trong suốt thế Cánh tân (Thế Pleistocen, là thế thứ 6 trong Đại Tân sinh, cách nay từ 1,8 triệu năm đến 11.000 năm), điều kiện tự nhiên ở Đông Nam Á không thay đổi nhiều so với hiện nay. Vì vậy mà môi trường tự nhiên này rất thuận lợi cho sự phát sinh và phát triển con người đầu tiên và hình thành những đặc điểm văn hóa riêng biệt, theo Lâm Mỹ Dung thì *“Những phát hiện cổ nhân đầu tiên trong khu vực là những phát hiện về dấu vết vượn người Miocene ở Lộc Phong, Vân Nam, Trung Quốc. Đây là những dấu tích sọ và mặt của Ramapithecus, được đặt tên là Lufengpithecus (vượn Lộc Phong). Tuy rằng hiện nay Ramapithecus không được coi là nằm trong dòng tiến hóa trực tiếp lên người, nhưng những phát hiện này cũng đã giúp cho các nhà nghiên cứu có được nhận thức rõ ràng hơn con đường và cách thức tiến hóa nhân loại. Tại khu vực Đông Nam Á cũng đã phát hiện nhiều vết tích của vượn Homo Erectus, những vết tích này tập trung chủ yếu ở Indonesia mà niên đại tuyệt đối lên tới $1,81 \pm 0,04$ triệu năm (niên đại K40 của sọ Modjokerto). Niên đại này còn sớm hơn niên đại Homo Erectus ở châu Phi và làm nảy sinh vấn đề về nguồn gốc của Homo Erectus châu Á. Những phát hiện mảnh tước đá và bola ở Sambungmachan, Ngebung (Indonesia) cũng bước đầu khẳng định người Homo Erectus Đông Nam Á đã biết chế tạo và sử dụng công cụ bằng đá”* [10].

Tuy nhiên *“trong các điều kiện của những hệ sinh thái tổng quát (hay phổ tạp) như ở Đông Nam Á, trong các rừng mưa nhiệt đới xanh quanh năm, sinh khối thực vật phát triển hơn sinh khối động vật nên hái lượm vượt trội hơn săn bắt. Và vì chỉ số đa dạng của hệ sinh thái rất cao, số lượng loài cây, loài vật thì nhiều, nhưng số lượng các cá thể cây con trên một diện tích rừng nhất định thì lại ít; cho nên người nguyên thủy – dù là ở lục địa hay hải đảo... đều phải hái lượm theo phổ rộng. Cái chung là như thế, song người ta đã có thể nhận ra những định hướng khác nhau trong sự phát triển văn hóa nguyên thủy Đông Nam Á. Có truyền thống đá gốc, mà cũng có truyền thống đá cuội. Có kỹ thuật đá cục, mà cũng có kỹ thuật mảnh phiến, mảnh tước... Người nguyên thủy - dù nguyên thủy - nhưng đã là những con người thực sự - con người văn hóa, nghĩa là đã vượt xa mô hình hành động theo bản năng, sống theo mô hình tùy nghi lựa chọn, thích ứng với hoàn cảnh mỗi vùng và những giao động thời tiết ở mỗi thời điểm khác nhau bằng các tạo phẩm văn hóa khác nhau và những chiến lược thích nghi khác nhau”* [10].

Trên cơ sở những nét chung về người nguyên thủy tại Đông Nam Á, ở Việt Nam, tại hang Thẩm Khuyên và Thẩm Hai (Lạng Sơn) đã phát hiện 9 chiếc răng hóa thạch của người vượn Homo Erectus. Cùng với đó là các hóa thạch động vật như khỉ đuôi dài, đười ươi lùn, voi, lợn vòi, tê giác, gấu tre lớn... Hóa thạch người vượn hang Thẩm Khuyên được xác định bằng phương

pháp cộng hưởng điện tử Spin cho tuổi 401.000 – 534.000 năm, tương đương người vượn Bắc Kinh. Tuy nhiên, số lượng di cốt người hóa thạch còn ít ỏi, những động vật trong hang có thể là con mồi mà họ săn được... Như vậy, người vượn xuất hiện ở Việt Nam khoảng nửa triệu năm trước, đây có thể được xem là mốc mở đầu cho Lịch sử Việt Nam.

1.1.2 Sơ kỳ thời đại đồ đá cũ

Các di chỉ: An Khê (Gia Lai), Núi Đọ (Thanh Hóa), Xuân Lộc (Đồng Nai), An Lộc (Bình Phước) là những di chỉ tiêu biểu thuộc sơ kỳ đá cũ ở nước ta.

1.1.2.1 Các kỹ nghệ chế tác công cụ lao động trong thời đại đồ đá cũ

Kỹ nghệ An Khê

Trong các di tích An Khê một số loại hình công cụ tiêu biểu (như ghè hai mặt – rìu tay, ghè hết một mặt, mũi nhọn tam diện và chày thô) là cơ sở nhận diện đặc trưng, tính chất, niên đại kỹ nghệ An Khê¹.

Công cụ rìu tay là loại hình công cụ đặc biệt trong nhóm công cụ ghè hai mặt. Công cụ ghè hai mặt có mặt trong hầu khắp các địa điểm Đá cũ An Khê, song số lượng không nhiều (12/649 hiện vật của toàn sưu tập). Trong đó có 7 rìu tay (3 chiếc ở Gò Đá, 4 chiếc còn lại ở Rộc Lớn, Rộc Gáo, Rộc Hương và Rộc Tung - mỗi nơi 1 chiếc). Công cụ rìu tay An Khê được làm từ đá cuội quartzite, kích thước lớn, tiêu biểu là loại có thân hình mũi lao với một đầu thuôn nhọn, đốc cầm tròn; vết ghè tập trung ở 2/3 thân kể từ đầu nhọn, ghè 2 mặt, vết ghè từ rìa vào trung tâm, tạo ra một đường nổi cao chạy từ đầu nhọn đến gần đốc cầm, dày ở giữa và mỏng dần về hai rìa. Các vết ghè nhỏ, đan nhau, tạo rìa lưỡi zích zắc. Rìu tay An Khê khá lớn và tập trung trong số đo trung bình: thân dài 20,7cm, rộng 11,9cm, dày 7,4cm, nặng 1,9kg.

Công cụ ghè hết một mặt có số lượng khá lớn (47/649 chiếc), tiêu biểu là các di vật tìm thấy ở Rộc Lớn, Rộc Tung và Rộc Hương. Chúng đều được làm từ viên cuội lớn gần hình bầu dục (đá quartzite), được ghè gần hết một

¹ Di chỉ An Khê được chính thức khai quật trên quy mô lớn vào năm 2014 dưới sự hợp tác của các nhà khoa học Việt Nam và Nga. Đầu năm 2018, những công bố ở An Khê đã gây bất ngờ không chỉ cho giới khảo cổ học Việt Nam mà còn cả trên thế giới, theo đó “*Từ những kết quả nghiên cứu, phát hiện qua 4 mùa khai quật, 1 cuộc hội thảo quốc tế và kết quả định tuổi 2 mẫu tectit ở địa điểm Gò Đá và Rộc Tung bằng phương pháp đồng vị phóng xạ Kali Argon, các nhà khảo cổ học Việt-Nga ngày càng có thêm bằng chứng để vững tin khẳng định, các di tích khảo cổ ở An Khê có niên đại sơ kỳ đá cũ, cách ngày nay trên dưới 80 vạn năm. Các chế phẩm tìm thấy ở An Khê cũng giống với các di tích giai đoạn sơ kỳ đá cũ, tương đương với giai đoạn tồn tại của Người vượn đứng thẳng (Homo erectus) trên thế giới. Đây cũng là nguồn sử liệu xác định mốc khởi đầu của lịch sử Việt Nam, bổ sung An Khê (Việt Nam) vào bản đồ xuất hiện và tiến hóa của loài người trên thế giới.*”

Nguồn: Báo Gia Lai, “Khảo cổ học Gia Lai, bước đột phá mở ra cánh cửa diệu kỳ, truy xuất 27-4-2018, <http://www.gialai.gov.vn/tin-tuc/khao-co-hoc-gia-lai-buoc-dot-pha-mo-ra-canh-cua-dieu-ky.59919.aspx>